

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ - ST
Ngày 30-6-2021
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Huân và ông Phạm Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L; Sinh năm 1993; Địa chỉ: Bản HL, xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn Th; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản HL, xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị L, anh Th đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2021 và bản tự khai ngày 28/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Th đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị L và anh Th kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Th không quan tâm đến gia đình nhiều lần còn

có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L. Hai bên gia đình đã khuyên bảo anh Th nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị L và anh Th đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị L và anh Th không còn quan tâm hay liên lạc hỏi thăm gì đến nhau nữa. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Th, vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị L khai, chị và anh Th không có con chung và hiện tại chị Th không có thai.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện TG tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn Th, nhưng anh Th không có nhà nên Tòa án đã giao Thông báo Thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ trực tiếp cho Lò Thị Xiên, là mẹ đẻ của anh Th.

Ngày 12/5/2021, Tòa án xác minh thông tin của ông Lò Ngọc Ch (Trưởng bản HL), bà Lò Thị Nh (Chi hội phụ nữ bản HL) và ông Lò Văn Gi (Trưởng Công an) xã NS, huyện TG về sự vắng mặt của anh Th, tình trạng hôn nhân giữa Th và chị L. Ông Ch, bà Nh và ông Gi đều cho biết: Anh Th đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt ở nhà nhưng thỉnh thoảng vẫn về nhà khi gia đình có việc, công việc cụ thể anh Th không báo với chính quyền địa phương, hiện tại anh Th vẫn có hộ khẩu tại bản HL, xã NS. Ông Ch và bà Nh cũng cho biết thêm, sau khi kết hôn chị L và anh Th chung sống với bố mẹ chồng được một thời gian thì ra ở riêng, chị L dạy học trong Mường Khong, còn anh Th đi làm thuê ở xa, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không rõ. Ngoài ra ông Ch, bà Nh và ông Gi cũng không cho biết gì thêm.

Cùng ngày 12/5/2021 Tòa án cũng tiến hành xác minh thông tin đối với ông Lò Văn T là bố đẻ của anh Th, ông T cho biết: Anh Th hiện tại đang đi làm thuê, không thường xuyên có mặt ở nhà nhưng vẫn điện thoại về hỏi thăm gia đình. Ông T cũng cho biết trong cuộc sống vợ chồng anh Th xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng hay đi làm xa không có sự quan tâm lẫn nhau, khi về hay cãi chửi nhau, còn nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì ông T không biết. Anh Th và chị L không có con chung.. Ngoài ra ông T không cho biết gì thêm.

Ngày 24/5/2021 Tòa án đã Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Thông báo về việc mở phiên họp đã được Tòa án giao trực tiếp cho ông Lò Văn T (là bố đẻ của anh Th) nhưng anh Th vẫn có tình vắng mặt mà không có lý do. Ngày 28/5/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt cho anh Th nhưng anh Th không có nhà nên Tòa án tiếp tục làm các thủ tục giao cho người thân thích là ông Lò Văn T (bố đẻ anh Th), ông T xác nhận sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt gia đình ông đã thông báo cho anh Th, nhưng do đang đi làm thuê nên anh Th không về được. Chị L cũng đã

có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải do vậy đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 31/5/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 15/6/2021 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 17/QĐST - HNGĐ, ngày 15/6/2021 để đảm bảo quyền lợi cho anh Th. Ngày 30/6/2021 mở phiên tòa chị L và anh Th đều có mặt.

Tại đơn đề nghị ghi ngày 28/6/2021 anh Th giao nộp tại phiên tòa và tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị L đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Anh Th và chị L kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 và đầu năm 2019 thì có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L có quan hệ ngoại tình, tự ý ra ngoài ở, bản thân anh Th hay đi làm xa không thường xuyên về nhà dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm cho nhau, tình cảm không còn. Anh Th cũng thỉnh thoảng có hành vi không đúng chuẩn mực với chị L. Anh Th và chị L đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa anh Th và chị L không còn quan tâm hay thường xuyên liên lạc hỏi thăm gì đến nhau nữa. Anh Th xác định vẫn còn tình cảm với chị L, vì vậy chị L xin ly hôn anh Th không đồng ý.

Về con chung: Anh Th khai, anh và chị L không có con chung và hiện tại chị L không có thai.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Th vắng mặt, không có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa anh Th giao nộp đơn đề nghị và đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả cho gia đình anh tiền tạo công ăn việc làm 80.000.000đ, tiền mua xe máy 22.000.000đ, tiền cưới hỏi và tiền vay ngân hàng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa cơ bản đều đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; *Về con chung:* Không có, nên không xem xét; *Về quan hệ tài sản:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, yêu cầu chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ của anh Th không xem xét trong vụ án này; *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị L xin ly hôn với anh Lò Văn Th và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn Th có hộ khẩu thường trú tại bản HL, xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn Th kết hôn năm 2015, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết và xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn Th kết hôn ngày 24/3/2015, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị L và anh Th đều khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ hôn nhân của chị L và anh Th là hợp pháp. Chị L có đơn xin ly hôn với anh Th là do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Th không quan tâm đến gia đình nhiều lần còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị L. Hai bên gia đình đã khuyên bảo anh Th nhiều lần nhưng không thay đổi. Chị L và anh Th đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay. Từ thời điểm sống ly thân giữa chị L và anh Th không còn quan tâm hay liên lạc hỏi thăm gì đến nhau nữa. Chị L xác định không còn tình cảm với anh Th, vì vậy chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Anh Th thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng do chị L ngoại tình, bản thân do đi làm xa dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm đến nhau, nhiều lúc có hành vi không chuẩn mực với chị L, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L nên việc chị L xin ly hôn anh không nhất trí. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 12/5/2021 ông T (bố đẻ anh Th) cũng thừa nhận giữa chị L và anh Th có mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau, cuộc sống không được hòa hợp. Xét thấy giữa chị L và anh Th đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian ly thân và từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay giữa chị L và anh Th không đi lại thăm nom, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Th. Do đó việc chị L xin ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lò Thị L được ly hôn với anh Lò Văn Th.

[5]. Về con chung: Chị L khai, chị và anh Th không có con chung và hiện tại chị L không mang thai do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết. Trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Th không có yêu cầu phản tố, nhưng tại phiên tòa anh Th yêu cầu chị L phải trả cho gia đình anh tiền tạo công ăn việc làm 80.000.000đ, tiền mua xe máy 22.000.000đ, tiền cưới hỏi và tiền vay ngân hàng là vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố nên yêu cầu này của anh Th Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị L là người dân tộc thiểu số cư trú tại Bản HL, xã NS, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị L được miễn án phí DSST.

[8]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Nguyên đơn chị Lò Thị L được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn Th.

2. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Chị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/6/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã NS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Đình Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Huân

Phạm Văn Tuấn

Vũ Đình Hiếu